

Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Mão/Mẹo/mèo

Nguyễn Cung Thông
nguyencungthong@yahoo.com

Khi so sánh các con vật biểu tượng cho 12 con giáp, điểm khác biệt rõ nét nhất là người Việt Nam ta dùng con mèo¹ cho chi Mão/Mẹo nhưng người Thái, Lào, Khme, Nhật, Hàn, Trung Quốc/TQ ... đều dùng con thỏ. Đây là một cánh cửa hé mở khiến ta phải đặt lại vấn đề nguồn gốc tên gọi 12 con giáp, vì nếu chúng từ TQ thì khi nhập vào các nước hay dân tộc nào đó thì theo thói thường hệ thống '12 con giáp nguyên thủy' vẫn được duy trì – như thỏ biểu tượng cho chi Mão chẳng hạn - và nếu có thay đổi thì không có là bao nhiêu như gà so với gà trống, dê so với cừu/trừu, heo/lợn so với heo rừng ...v.v... Giả sử chữ Mão 卯 có nguồn gốc tượng hình con mèo như chữ thỏ/thỏ 兔 chẳng hạn, thì không ai chất vấn nguồn gốc tên gọi 12 con giáp (động vật) và thập nhị chi làm gì. Khi truy nguyên giáp văn, kim văn và triện văn của chữ Mão thì thấy hình dạng của hình cửa mở hay hai mặt trăng đối nhau (?) - xem thêm chi tiết trang này (2003, cập nhật 2008, 2010 – tác giả Richard Sears) <http://www.chineseetymology.org/CharacterASP/CharacterEtymology.aspx?characterInput=%E5%8D%AF&submitButton1=Etymology> - nguồn gốc chữ Mão chẳng dính líu gì đến một loài vật nào, như thỏ chẳng hạn. Chúng ta hãy nhìn lại vấn đề từ các góc độ khác nhau ngõ hầu có thể nhận ra được phần nào nguồn gốc chính xác và hợp lý hơn của Mão/Mẹo. Người viết sẽ tránh dùng thuật ngữ Ngôn ngữ học để bài viết dễ đọc hơn. Một điểm đáng ghi nhận ở đây là các thông tin trao đổi trên mạng/Internet và bloggers cũng đáng chú ý: như có khá nhiều trao đổi về chủ đề 12 con giáp và loài vật tượng trưng cho chi Mão là thỏ và mèo, bằng tiếng Anh, Việt, Pháp, Trung (Quốc) ... Tuy rằng các dữ kiện trên mạng cũng cần phải được kiểm chứng một cách nghiêm túc, người viết sẽ ghi lại các nguồn để độc giả có cơ hội tra cứu thêm. Mạng lưới (toàn cầu) càng ngày càng phổ biến và trở thành một môi trường giáo dục quan trọng, cũng như giải quyết một số vấn đề mà trước đây tốn rất nhiều công sức. Cách đây gần 6 thập niên, học giả Phan Khôi từng nhận xét '*... Người Việt Nam chúng ta về sau phải sang TQ ở lâu mà nghiên cứu, may ra tìm được các dấu vết tương quan của dân tộc ta với dân tộc TQ từ đời thượng cổ ...*' - trang 34, 'Việt Ngữ nghiên cứu' (NXB Đà Nẵng, 1997). Tình hình bây giờ khác nhiều so với thời đại của cụ Phan Khôi.

1. Loài mèo được thuần hoá sớm hơn loài thỏ

Các xương mèo và người khai quật ở đảo Cyprus cho ta kết luận loài mèo đã sống chung với loài người và có khả năng được thuần hoá cách đây khoảng 9500 năm; So với loài thỏ thì thời kỳ thuần hoá (domestication) không rõ rệt, nhưng ước đoán cách đây khoảng 3000 năm mà thôi. Điều này cũng phù hợp với di chỉ tìm thấy ở Điền Viên Động² (Tianyuan cave 田园洞, gần Bắc Kinh) gồm có xương người, sơn dương, khí, nhím và mèo hoang (civet cat). Ngoài ra, bản tin từ Tân Hoa Xã (Xinhua News Agency, ngày 22 tháng Tám, 2006) trên mạng cho ta biết về các xương thú tìm thấy sau khi bị chôn sống cách đây khoảng 1700 năm. Các xương thú vật tìm thấy gồm có mèo, chó, heo, dê, trâu và trừu... Mèo còn rất thích hợp với xã hội nông nghiệp vì là loài động vật ăn thịt (carnivore): nhà nông thường phải chứa (tôn kho) các sản phẩm vì thời tiết thay đổi bất thường, sau đó các kho hàng hoá này hấp dẫn các loài chuột, sâu bọ và ngay cả chim chóc cũng đến tìm lương thực và quấy phá ... Đến nỗi nhà nông chúng ta phải ra lời ta thán

Cái cò các vạc cái nông
Sao mày dằm lúa nhà ông hời cò (ca dao)

Mèo đã đến như vị cứu tinh để giải quyết vấn nạn trên; Khác hẳn với loài thỏ chỉ ăn rau cải (herbivore) và phá hoại mùa màng – như hiện nay, chính phủ Úc phải tìm các phương pháp hoá học (như dùng thuốc độc) hay sinh học (như cây vi trùng bệnh) để kiểm soát dân số loài thỏ - thay vì săn bắn chúng một cách dã man. Loài thỏ thuần hoá không thể tồn tại khi nhiệt độ môi trường chung quanh lên trên 32°C, so với loài mèo có thể sống sót với môi trường ở nhiệt độ 52°C; Thân nhiệt (body temperature) của mèo thì từ 38°C đến 39°C (so với con người vào khoảng 37.5°C) tương thích với một xã hội nông nghiệp với khí hậu ôn hoà, còn thỏ lại là nguồn thực phẩm có lượng prôtêin cao cho xã hội du mục và săn bắn.

2. Tư duy nông nghiệp tổng hợp và cụ thể qua ngôn ngữ

Liên hệ Mèo Mẹo và mèo rất dễ hiểu: các âm này đều thuộc thanh vực trầm³ (trọc) và nguyên âm e (của Mẹo mèo) là dạng cổ hơn của nguyên âm a (của Mảo) như hẹ hạ (Hán Việt), xe xa, keo giao, vẽ hoạ, mè (vùng) ma, chè trà, beo báo ...v.v... Tương quan tự nhiên còn thể hiện qua cách dùng lòng (bụng dạ) - bộ phận thấp nhất trong cơ thể con người - thay vì tim hay não bộ (óc): lòng tốt hay tốt bụng (hào tâm HV), buộc lòng, mất lòng ... Khi nhập vào tiếng Hán, lòng trở thành đảm 膽: theo GS Axel Schuessler⁴ thì đảm 膽 có gốc phương Nam (Nam Á, Austroasiatic) và một dạng âm cổ phục nguyên là *tlam?. Schuessler ghi nhận âm cổ Bahna Bắc/ProtoNorthBahnar là *klam (gan/liver), tiền Việt-Mường/Proto Viet-Muong *lɔ:m, Katuic *luam hay dạng khác hơn với phụ âm đầu t- như tiền Palaunic/proto Palaunic *kontɔ:m (gan). Tra thêm các ngôn ngữ láng giềng ta thấy klom (gan, tiếng Koho), tho-lom (gan, tiếng Khme) so với LÒNG tiếng Việt gồm các bộ phận như ruột, gan ... ‘Phật Thuyết Đại Báo Ân Trọng Kinh’ còn dùng ‘lòng gan đều nát’ (lòng chữ Nôm thường dùng lộng 弄, lào theo Việt Bồ La 1651) phản ánh tương quan can đảm (Hán) và lòng gan/ruột gan (Việt); Ngoài ra cách dùng lôm sừng (lòng sừng, nòng sừng), lôm chuối, lôm cây (lòng cây)... cho thấy liên hệ trực tiếp giữa dạng LÒNG - LÔM, thật ra khi phát âm LÒNG bây giờ - tiếng Việt luôn đóng môi lại (môi hoá, như LÔNG) chứ không để môi mở như các dạng LONG của tiếng Anh, Pháp ... Tiếng Mường (Bi) còn dùng ‘lòm’ là gan: ‘*ho ua ăn lòm củi*’ (tôi thích ăn gan heo). klom là gan (tiếng Biat), k'lom (gan, tiếng Boloven) ...v.v... Tóm lại, ta có cơ sở đề nghị cấu trúc dạng cổ phục nguyên *tlam? hay *klam? đã nhập vào tiếng Hán cho ra dạng đảm 膽. Trường hợp âm cổ phương Nam *tlam?/klam? (lòng, một lòng) trở thành đảm (can đảm, đảm lược ...) khi nhập vào tiếng Hán không phải là hiếm, ta còn có những trường hợp như *krong (sông) khi nhập vào tiếng Hán trở thành *kong hay jiāng BK (giang HV), ...v.v... Nhìn rộng ra hơn, tên 12 con giáp Tý Sửu Dần ... Mảo ... Tuất Hợi khi nhập vào tiếng Hán đã mất đi phần nào ý nghĩa nguyên thủy của tên gọi các loài động vật rất gần gũi với nhà nông. Không những thế, chúng còn được tô son điểm phấn (Hán hoá) và rất khó nhận ra các liên hệ cụ thể nguyên thủy: chúng trở thành những khái niệm trừu tượng (được ‘nâng cấp’) trong bói toán và cách ghi ngày tháng (kết hợp với Thập Can); Đây cũng là một lợi thế của nhóm thông trị có chữ viết sẵn (chữ Hán) và khả năng tổ chức. Lợi thế của một hệ thống chữ viết có sẵn như chữ ô vuông (chữ Hán) có thể là chỉ thêm một dấu phẩy nhỏ mà nghĩa lại đổi hẳn đi. Thí dụ như chữ quốc⁵ chẳng hạn, một dạng chữ quốc 国 cổ đại viết bằng bộ vi □ hợp với chữ vương 王 hàm ý lãnh thổ có giới hạn/biên giới và có vua đứng đầu, tuy nhiên khi thêm một dấu phẩy nhỏ vào bên phải chữ vương thì vương 王 lại trở thành ngọc 玉. Chữ quốc cổ

đại 國 với chữ vương - phản ánh chế độ vua chúa phong kiến - nay đã thay bằng chữ quốc với chữ ngọc 国 hàm ý lãnh thổ (bộ vi) chứa những tài sản quý báu (như dân chúng, ngọc ngà châu báu/đất đai ...). Chữ quốc với chữ ngọc 国 cũng là loại chữ giản thể rất thông dụng hiện nay. Hiện tượng 'thay đổi chữ viết' một cách thâm thúy⁶ trên có thể giải thích được chữ thỏ/thỏ 兔 đã dùng thay cho chữ miễn/*mãn/ vãn 免 - âm *mãn đã từng có nghĩa là mèo trong tiếng Việt⁷. Sự lẫn lộn⁸ giữa mèo và thỏ còn thấy trong cách dùng dã miêu 野猫 để chỉ loài thỏ hoang (wild rabbit)⁹ và mèo hoang trong văn hoá TQ và đáng được đào sâu hơn.

3. Lẫn lộn giữa các loài mèo và thỏ ... trong văn hoá TQ

Thỏ tôn 兔孫 (thỏ tôn) là loài mèo hoang đang từ từ biến mất: loài thú này ở Trung Á, Tây Bá Lợi Á, Kashmir, Nepal, Thanh Hải, Nội Mông Cổ, Hà Bắc, Tứ Xuyên, Tây Tạng, Tân Cương ... Thỏ tôn hay Xá Lị tôn 猯猯孫 : tiếng Anh còn dùng cụm từ Steppe cat và chúng hay sống trong các khu sa mạc. Khi người Hán tràn xuống phía Nam và Tây, ta thấy hiện tượng lẫn lộn 'trông/nhìn mèo ra thỏ' (trông gà hoá cuốc) như cách gọi Thỏ tôn này: các lẫn lộn trên giải thích được phần nào tại sao chi thứ tư Mèo Mèo liên hệ đến mèo chứ không phải là thỏ từ nguyên thủy. Hình sau trích từ trang mạng Bách Khoa TQ <http://zh.wikipedia.org/wiki/%E5%85%94%E7%8C%BB> hay xem thêm <http://baike.baidu.com/view/39824.htm>



Thỏ tôn 兔孫



Thỏ và mèo

Thỏ tôn còn được gọi là dương xá lị 洋猯猯, ô luân 烏倫, mã não 瑪瑙, mã não tặc 瑪瑙勒 ... Xá lị 猯猯 là loài mèo hoang (lynx).

Miêu là từ HV nghĩa là mèo, nhưng nghĩa Hán cổ đại của miêu là loài hổ ít lông chứ không phải là mèo; Dữ kiện này hỗ trợ cho khả năng Mèo 卯 chỉ là một cách ký âm của một tiếng nước ngoài (tiếng Việt cổ) nhập vào tiếng Hán. Đây là định nghĩa của miêu

【爾雅·釋獸】虎竊毛，謂之獬貓

【Nhĩ Nhã·Thích Thú】 hổ thiết mao, vị chi sạn miêu

Sạn/sàn 麩 theo Ngọc Thiên cũng là mèo. Sạn/sàn 麩 còn viết là 麩 (chữ hiếm - tần số dùng là 11 trên 237243358) chỉ loài mèo hoang có vằn.

Thỏ/thỏ 鶻 hay 鶻 nghĩa cổ là một loài chim

Văn hay ***mãn** 挽 (chữ hiếm) chỉ một loài cây theo cổ thư TQ; Nhưng giọng Hẹ lại đọc là t'u2 (như âm **thỏ**) - so với hai âm mãn (mèo) và thỏ/thỏ.

...

4. Các cách giải thích khác nhau

Để hiểu tại sao người Việt lại dùng mèo cho chi Mão 卯, một cách giải thích thường gặp¹⁰ trong tài liệu TQ là âm Mão khi nhập vào tiếng Việt đọc giống như mèo hay miêu HV nên người Việt dùng mèo làm biểu tượng thay vì thỏ. Điều này không hợp lý vì các lý do sau

3.1 Mèo là 𪛗 maew (tiếng Thái), maaw (Lào) ... nhưng thỏ lại là loài vật biểu tượng cho chi Mão ở Thái, Lào! Điều làm lẩn giữa Mão và mèo lại càng rất khó xảy ra khi đất Giao Chỉ có những liên hệ rất gần với các triều đại phương Bắc (Hán ... Đường) so với các dân tộc khác ở phía tây Giao Chỉ.

3.2 Nếu mèo đọc gần như Mão và được dùng làm loài vật tượng trưng cho chi thứ tư này, rất khó giải thích tại sao **nga** (ngõng trời ... cò biển) gần gũi với dân ta (đánh cá, gần biển ...), đọc gần giống âm cổ *ngwa của **Ngọ** 午, lại không là loài vật biểu tượng cho chi Ngọ? Còn âm cổ **Mùi** (Vị) 未 của chi thứ tám đọc gần với âm **muối**, tại sao người Việt lại dùng dê chứ không là muối ... và còn nhiều các âm giống khác nữav.v... Ngoài ra, tuy chữ Nôm còn quá 'trẻ' để phân tích liên hệ ngữ âm của tên gọi 12 con giáp, nhưng cũng có vài điểm đáng chú ý là **mèo** (cũng như **meo**) thường dùng chữ miêu 𪛗 HV như

'Lẻo lẻo đoàn xanh con mắt mèo' (Bạch Vân Thi Tập, Nguyễn Bình Khiêm 1491-1585)

Nhưng **méo** thì chữ Nôm dùng Mão 卯 (có khi cộng thêm dấy nháy)

'Tròn tròn méo méo in đời thuở' (Hồng Đức Quốc âm Thi Tập, soạn bởi quân thần và Lê Thánh Tông 1442-1497).

Do đó, hai âm **Mão** và **mèo** đã có sự phân biệt ít nhất từ thời nhà Lê, và xác suất nhầm lẫn giữa Mão¹¹ (âm Hán trung cổ, **nhập ngược** vào VN khoảng từ thời Đường Tống) và mèo (âm thượng cổ) trong tiếng Việt rất nhỏ!

3.3 Khuynh hướng tổng quát và tự nhiên của chữ viết loài người tiến hoá từ cụ thể và đơn giản đến trừu tượng¹². Thí dụ như tên gọi các loài vật được dùng với nghĩa mở rộng hơn, trừu tượng hơn như mặt chuột (so với mặt rồng), thân trâu ngựa, ăn như mèo ngủi, tính tình như rắn rít ... Thành ra, suy luận từ âm Mão cho ra mèo thì không phù hợp với khuynh hướng tự nhiên; Đáng lẽ là từ mèo (loài vật, cụ thể) cho ra âm Mão (hệ thống ghi thời gian, trừu tượng, bói toán/số mệnh) mới hợp lý hơn. Hệ thống gọi tên các con vật cụ thể (đơn giản) và rất gần gũi với nhà nông khi nhập vào văn hoá Hán đã trở thành hệ thống ghi nhận thời gian, bói toán (trừu tượng, phức tạp); Hệ thống 12 con giáp

này cùng khởi sắc khi văn hoá Hán phát triển cực mạnh (Tần, Hán ... Đường, Tống ...) và ảnh hưởng đến các khu vực chung quanh, đây lại là hiện tượng **nhập ngược** mà ít người ý thức được trong trường hợp Việt Nam.

3.4 Có những cách giải thích không có cơ sở khoa học, đầy cảm tính như sự thay đổi giữa mèo và thỏ là sự xuyên tạc sự thật¹³, hoặc dựa vào những ‘huyền thoại’ không thể kiểm chứng khách quan được: người viết chỉ ghi nhận vắn tắt ở đây mà thôi.

Từ những góc độ nhìn khác nhau như trên, ta thấy khả năng nguồn gốc tên gọi 12 con giáp có thể đến từ tiếng Việt cổ. Thật ra thì người Việt chúng ta không cần phải lý giải tương quan rất tự nhiên giữa Mão Mèo và mèo, cũng như Tý chuột *chuột chuột, Ngọ ngựa, Hợi *Gỏi cú (heo), Sửu *tlu trâu ... Người Việt không phải dùng các từ ghép so với văn hoá TQ như Mão Thỏ 卯兔, Tý Thử 子鼠, Sửu Ngưu 丑牛 để giúp ta nhớ đến tương quan Mão mèo, Tý chuột, Sửu tlu/trâu Chính các ngôn ngữ hay dân tộc nào dùng thỏ thay vì mèo cho chi Mão/ Mèo mới cần phải giải thích sự khác biệt này: đây là sự vay mượn hay cố tình thay đổi? Không phải là hoàn toàn nghịch lý khi tổ tiên còn dặn dò con cháu rằng

*Trăm năm bia đá thì mòn
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*

5. Phụ chú và phê bình thêm

Để cho liên tục, người đọc có thể xem thêm các bài viết về chi Mão (hai bài trước số thứ tự là phần 4, 4A) chủ đề "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp" trên trang mạng khoahoc.net, dunglac.com ... của cùng một tác giả (Nguyễn Cung Thông), hay lên google và đánh tên nguyencungthong thì sẽ có loạt bài liên hệ đã đăng ở các địa chỉ/website khác nhau. Ngoài hiện tượng đổi chữ (dùng dấu phẩy chẳng hạn), lẫn lộn (mèo thành thỏ), chúng ta cũng nên để ý đến hiện tượng nhập ngược (Mão nhập ngược vào ngôn ngữ Việt với dạng cổ mèo đã hiện diện). Hiện tượng nhập ngược lại (back-loan) trong quá trình giao lưu văn hoá như Bụt-Phật, tên 12 con giáp (gốc Việt cổ) trong tiếng Việt không phải là hiếm - nhất là khi các dân tộc sống gần nhau qua một thời gian rất dài; Một thí dụ gần đây hơn và thường được nhắc đến đã xảy ra vào thế kỷ 20 khi Nhật Bản du nhập văn minh Tây phương và dùng một số từ gốc Hán, sau đó các từ này nhập ngược lại tiếng Hán và sau đó nhập vào tiếng Việt

Xí nghiệp (HV)	企業	qi4 ye4 (Bắc Kinh)	kigyō (Nhật)
Điện tử	電子	dian4 zi3	denshi
Nguyên tử	原子	yuan2 zi3	genshi
Thị trường	市場	shi4 chang3	shijō
Khoa học	科學	ke1 xue2	kagaku

Hàng Không Mẫu Hạm 航空母艦 hang2 kong1 mu3 jian4 kookuubokan

...v.v...

1) nhưng theo học giả Lê Quý Đôn (1726-1784) trong ‘Vân Đài Loại Ngữ’, và Jean Bonet trong ‘Dictionnaire annamite-francais’ (1899) thì thỏ là con vật biểu tượng cho chi Mão: điều này cho thấy ảnh hưởng không nhỏ và có khi méo mó của chữ và văn hoá Hán, nhất là khi dùng tài liệu TQ. Văn hoá dân gian ta vẫn duy trì cách dùng con mèo (không phải thỏ) như trong tự điển Việt Bồ La (1651) – xem phần giải thích về **giờ**.

2) xem chi tiết về Điện Viên Động trang <http://history.cultural-china.com/en/181History5910.html> hay trang <http://www.hudong.com/wiki/%E7%94%B0%E5%9B%AD%E6%B4%9E%E9%81%97%E5%9D%80>

3) thí dụ như thanh điệu trong từ láy bốn chữ *nũng nà (na) nũng nịu ...* đều cùng âm vực trầm (trọc)

4) xem thêm chi tiết trong cuốn "ABC Etymological Dictionary of Old Chinese" của GS Axel Schuessler, NXB University of Hawai'i Press (Honolulu, 2007) trang 91 mục 8.2.1

5) danh từ nước (tiếng Việt) có khả năng là một dạng ngạc cứng hoá của vực 域 (vực > *nhược > nước tiếng Việt) so với dạng quốc (vực > *kwuc > quốc tiếng Hán Việt), nhưng ảnh hưởng của đạo Phật đã đưa nước (quốc gia có biên giới rõ ràng, xem lịch sử hình thành chữ quốc 國 tiếng Hán bên dưới) đến với nước (chất lỏng, không phân định ranh giới rõ ràng, tùy thuộc hình thể/địa chất) trong vốn từ của toàn dân; Đây là sự thể hiện qua ngôn ngữ của giáo lý PG vô thường và mẫu nhiệm. Các dữ kiện này cho thấy tư tưởng PG và văn hoá dân gian VN, qua tư duy nông nghiệp/tổng hợp và cụ thể, đã hoà lẫn với nhau từ thuở xa xưa để hình thành những nét văn hoá ngôn ngữ đặc thù của dân tộc, một đề tài lớn rộng đáng được nghiên cứu rất chi tiết để hiểu rõ hơn lịch sử và bản sắc văn hoá tộc Việt cho đến ngày nay.

Các cách khắc/viết chữ quốc (nước)



Chữ triện

Kim văn

Giáp văn

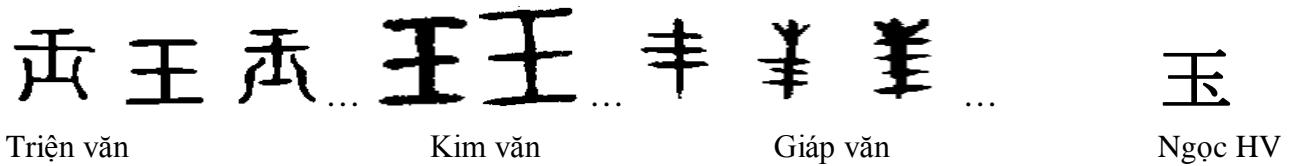


Dị thể của chữ quốc 國

Giản thể

Tham khảo thêm chi tiết trang <http://www.chineseetymology.org/CharacterASP/CharacterEtymology.aspx?characterInput=%E5%9C%8B&submitButton1=Etymology> và <http://dict.variants.moe.edu.tw/yitia/fra/fra00734.htm> ...v.v..

6) từ khi dùng bút lông để viết chữ Hán, dấu chấm (nguyên thủy) trở thành dấu phẩy cho hợp với thể viết. Dấu phẩy bên phải của chữ ngọc được thêm về sau này - giáp văn, kim văn, triện văn không có dấu phẩy - chữ vương 王 và ngọc 玉 bắt đầu giống nhau từ thời kim văn



Chữ miễn/*mãn/vãn 免 và chữ thỏ 兔 thời Xuân Thu có thể hoán chuyển cho nhau như trong đề từ khắc hoạ ở đền thờ Vũ Lương, bia khắc thời Hán ... Ngoài ra, các cách khắc/viết của miễn/*mãn/vãn và thỏ/thỏ cũng có lúc giống nhau trong triện văn



Xem 13 cách viết khác nhau của chữ thỏ/thỏ 兔 ta thấy có hai trường hợp không có dấu phẩy bên phải (tượng hình, chỉ đuôi thỏ) - trích từ trang <http://dict.variants.moe.edu.tw/yitia/fra/fra00276.htm>



Các dạng viết của thỏ/thỏ 兔

Có những trường hợp chữ Hán không thay đổi nghĩa khi thêm (hay bớt) dấu phẩy ở trên hay dưới

冤 (oan) có thể viết là 冤

冤 𡗗 𡗘 𡗙 (triện văn)

饒 (uyên) có thể viết là 饒

土 (thổ) có thể viết là 土 (chữ hiếm): xem thêm các dạng viết chữ thổ 土 trang <http://dict.variants.moe.edu.tw/yitia/fra/fra00740.htm>

思 (tu, tư duy) nguyên là chữ tâm 心 hợp với chữ tín 凶 (đỉnh, đỉnh đầu/thóp) - 【說文】从心凶聲 [Thuyết Văn] tùng tâm tín thanh; Nhưng về sau bỏ dấu phẩy trên chữ tín 凶 và đổi thành điền 田. Chữ này cho thấy tư duy phương Bắc (người Hán) dựa vào hoạt động của tim, óc (đầu) so với tư duy cụ thể (nhà nông) của phương Nam dựa vào lòng, dạ, bụng - vị trí thấp nhất so với tim và đầu/óc - như đã viết bên trên.

𡗗 𡗘 𡗙 𡗚 𡗛 ... 思

Triện văn

Tư HV (nghĩ, tư duy)

7) 'con măn tam thể': chat à trois couleurs (mèo tam thể, mèo có ba màu) theo Gustave Hue trong cuốn 'Dictionnaire vietnamien-chinois-francais' (Imprimerie Trung Hoà, 1937). Thuyết Văn Giải Tự/TVGT còn ghi chữ 獮 man, mán, mạn (màn mán wàn - giọng Bắc Kinh/BK) là chữ hiếm với tần số dùng là 9 trên 171894734 như sau

獮, [舞販切], 狼屬。從犬曼聲。《爾雅》曰：“獮獮，似狸。”

mạn, [vũ phiến thiết], lang thuộc . Tông khuyến mạn thanh . " Nhĩ Nhã " viết : " sâu mạn , tự lí . "

Đề ý TVGT cũng ghi miêu là loài li 貓, 狸屬 (miêu, li thuộc). Người Mèo 苗族 (Miêu tộc) còn được gọi là người Man, Mán 蠻 蛮

8) hiện tượng lẫn lộn giữa loài chó và mèo (khi nhìn từ xa khá giống nhau) còn thể hiện qua các phương ngữ ở TQ thời cổ đại, phản ánh giao lưu văn hoá ngôn ngữ của các dân tộc đã từng hiện diện ở khu vực Trường Giang và phía nam TQ. Thí dụ như chữ nậu 𪛗 (Unicode 4A32), nó BK neu2 wan5 giọng Hẹ ... Chữ này rất hiếm từng chỉ chó con, nhưng lại có thể đọc là *man (so với măn là con mèo tiếng Việt), trích tự điển Khang Hy

《集韻》江東呼兔子爲𪛗 ... 《廣韻》《集韻》無販切, 音萬

"Tập Vận" Giang Đông hô thỏ tử vi nậu ... Quảng Vận, Tập Vận : vô phiến thiết, âm vạn

Trích từ <http://dict.variants.moe.edu.tw/yitic/frc/frc15675.htm>

菟 菟 菟 兔 兔 兔 兔 兔 (nậu HV)

9) **Dã miêu 野猫** có các nghĩa là (a) mèo hoang (dã) hay mèo đồng, (b) thỏ hoang, và nghĩa mở rộng (tỷ dụ/metaphor) là (c) người lỗ mãng ...

10) xem thêm chi tiết các trao đổi, như Mão Niên (năm Mão) 卯年 trở thành Miêu Niên (năm mèo) 貓年 cho nên mèo là biểu tượng cho chi Mão, trang

<http://www.chinahistoryforum.com/index.php?showtopic=33283&pid=4988244&start=&st=#entry4988244?s=23493562ccca9ef4648d01d9d43eb34a>

hay [http://en.wikipedia.org/wiki/Rabbit_\(zodiac\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Rabbit_(zodiac))

hay [http://www.museumstuff.com/learn/topics/Rabbit_\(zodiac\)](http://www.museumstuff.com/learn/topics/Rabbit_(zodiac)), và ‘...vì trạng người Việt gầy nhỏ, không cao nên dùng mèo thay vì thỏ...’ trang này

http://www.gxtour.cn/view_news.asp?keyno=8030&lei=900 hay đọc Mão thành mèo (cũng như con mèo) nên người Việt đổi (lâm) thỏ thành mèo, xem trang này <http://chinablog.cc/2009/01/why-no-year-of-the-cat/> hay ‘huyền thoại’ về mèo ngũ trử nên không đến mục tiêu kịp; Một ‘huyền thoại’ khác lại nói rằng mèo bị loại ra trong 12 con giáp vì nó đã bắt con chuột thiêng của Maya (mẹ của đức Phật Tổ) ...v.v...

11) cách đọc Mão rất phù hợp với cách phiên thiết theo Đường Vận/Tập Vận: 莫飽切, 音昴 mạc bão thiết, âm mǎo. Cũng như đa số các âm Hán Việt khác tương thích với âm Hán trung cổ, phản ánh khả năng nhập vào tiếng Việt vào khoảng thời Đường Tống ... Điều này cho thấy cách đọc HV Tý Sửu Dần ... Tuất Hợi cũng nhập vào tiếng Việt khoảng đời Đường hay sau này. Âm thượng cổ của Mão là *meu - theo tự điển phổ thông trên mạng <http://tool.httptcn.com/Html/zi/22/PWCQKOUYRNUYKOTBF.shtml>

[上古音]: 幽部明母, **meu** - so với dạng **mèo** tiếng Việt

[广韵]: 莫飽切, 上 31 巧, mǎo, 效開二上肴明

[平水韵]: 上声十八巧

[国语]: mǎo

[粤语]: maau5

[闽南语]: bau2

Các dữ kiện về âm thượng cổ *meu (mèo) của tự điển TQ trên còn chứng minh rằng dạng **mèo** thượng cổ đã cho ra dạng **Mǎo/mǎo** trung cổ, và đã ‘hoá thạch’ hay trở nên bất tử trong tiếng Việt.

12) xem các bài viết

<http://www.wvhs.wlwg.k12.or.us/Staff/EbyA/Web%20Elements/WJSSH/Fall2007PDF/Origin%20of%20Writing.pdf>

hay

http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_ch%E1%BB%AF_vi%E1%BA%BFt ...v.v...

13) xem các trao đổi trên mạng Yahoo.HỎI&ĐÁP

http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:g5sw5Jab_wQJ:vn.answers.yahoo.com/question/index%3Fqid%3D20100618195417AA8kYep+nguyencungthong+ngon+ngu+han+viet&cd=156&hl=en&ct=clnk&gl=au hay
<http://vn.answers.yahoo.com/question/index?qid=20071127060841AAjc9Fl> ...v.v...

Có người (chiêm tinh gia TQ) lý luận là loài mèo quen thuộc đối với người Việt nên thỏ mới trở thành mèo - xem chi tiết trang <http://www.astrologizeme.com/repon-16.shtml> .
Lại nữa, một đề nghị cho rằng ở miền bắc TQ hiếm mèo nên đổi mèo thành thỏ - xem chi tiết trang <http://www.asiafinest.com/forum/lofiversion/index.php/t179029-100.html> ; Tuy nhiên, một ý kiến khác ngược lại nói rằng ở Việt Nam hiếm thỏ nên đổi thỏ thành mèo!